TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 24/2020/QĐST- HNGĐ	*Sông Mã, ngày 28 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST - HNGĐ, ngày 10/11/2020, giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1993. Trú tại: Bản H, xã V, huyện C, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Anh Lường Văn A, sinh năm 1989. Trú tại: Bản N, xã N2, huyện S, tỉnh Sơn La.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 24, 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản nghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị N và anh Lường Văn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về con chung:

+ Chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Lường Thị Hoài L (sinh ngày 19/9/2014) cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

+ Anh Lường Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Lường Việt K (sinh ngày 13/7/2012) cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

Chị Lò Thị N và anh Lường Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Chị N, anh A được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Lường Văn A trả tiền chia tài sản chung cho chị Lò Thị N số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Hạn trả cuối cùng vào ngày 30/01/2021.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Lò Thị N nộp toàn bộ án phí xin ly hôn 150.000 đồng và 150.000 đồng tiền án phí dân sự. Tổng án phí chị Lò Thị N phải nộp là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001524 ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, chị Lò Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định về trả tiền chia tài sản chung được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- UBND xã N2;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Nhung